TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 112/2023/DS-PT
Ngày: 01/02/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp vốn và đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Việt Hồng

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mỹ Nhung

Bà Võ Thị Kim Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thế Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đỗ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 534/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp vốn và đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 398/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6295/2022/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐ-PT, ngày 05 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm: 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã VLB, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lâm Bá N, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: Đường Cây C, khu phố B, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thu T, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: Đường Nguyễn Hữu T, phường Tây T, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1986 (Vắng mặt có đơn);

Địa chỉ: Đường Nguyễn Hữu T, phường Tây T, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; Luật sư của Văn phòng Luật sư CTM, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị T, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Đường Cây C, khu phố C, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chi Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thu T, sinh năm 1996 (có mặt);

Địa chỉ: Đường Nguyễn Hữu T, phường Tây T, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Lâm Bá N và bà Trịnh Thị T.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của nguyên đơn như sau: Vào khoảng tháng 02/2020, ông B và vợ chồng ông N, bà T có thỏa thuận hợp tác sản xuất các loại bánh, các bên không lập hợp đồng hợp tác, chỉ thỏa thuận lời nói với nhau. Ông B mua một số máy móc thiết bị đi kèm để phục vụ cho sản xuất các loại bánh, số thiết bị lắp đặt tại nhà của ông N bà T tại địa chỉ tại đường Cây C, khu phố B, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. gồm:

1. Theo Đơn đặt hàng vào tháng 3/2020 do Cơ sở Inox Ngọc T (địa chỉ: đường Mã L, phường BHHA, quận BT, Thành phố Hồ Chi Minh) phát hành gồm các máy:

Tủ hấp lớn (có đế xoay) không có khay giá tiền là 18.000.000 đồng;

Khay tủ hấp lớn giá tiền là 7.000.000 đồng;

Tủ hấp (có đế xoay) có khay giá tiền là 23.000.000 đồng;

Tủ hấp nhỏ (không có đế xoay) không khay giá tiền là 16.000.000 đồng;

Nồi nấu đậu có cánh khấy giá tiền là 25.000.000 đồng.

Ông B đến trực tiếp cơ sở này để đặt hàng những loại máy móc trên. Cơ sở này giao toàn bộ máy móc đến nhà của ông N, bà T tại địa chỉ Đường Cây C, khu phố B, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, có ông B nhận hàng rồi lắp đặt máy móc. Sau đó, ông B trực tiếp trả số tiền 89.000.000 đồng cho chủ cơ sở là ông Nguyễn Ngọc B do các bên có quen biết làm ăn, trả tiền mặt xong thì hai bên ký tên vào Đơn đặt hàng mà không có biên bản giao nhận tiền.

2. Theo Đơn đặt hàng tháng 02/2020 do Cơ sở Inox Vượng P (địa chỉ: đường HVT, Phường D, quận TB, Thành phố Hồ Chi Minh) phát hành gồm các máy:

Tủ hấp KT 700LL x 1100 LL, sâu 700 LL, điện 380 giá tiền là 31.000.000 đồng.

Vỉ Inox 304 gồm 13 cái giá tiền là 13cái x 300.000 đồng/cái = 3.900.000 đồng.

Ông B đến trực tiếp cơ sở này để đặt hàng những loại máy móc trên. Cơ sở này giao toàn bộ máy móc trên đến nhà của ông N, bà T tại địa chỉ Đường Cây C, khu phố B, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, có ông B nhận hàng và lắp đặt cho máy móc vận hành. Khi đặt hàng thì bà T trả trước 10.000.000 đồng, sau đó lúc giao hàng xong thì ông B là người trả số tiền còn lại là 24.900.000 đồng, trả tiền mặt xong thì hai bên ký tên vào Đơn đặt hàng mà không có biên bản giao nhận tiền.

3. Theo Đơn đặt hàng tháng 02/2020 do Cơ sở Inox Thành T (địa chỉ: đường HVT, Phường D, quận TB, Thành phố Hồ Chi Minh) phát hành gồm các máy:

01 Máy trộn Inox (650mm x 550mm x 1300mm) giá tiền là 25.500.000 đồng.

Ông B đến trực tiếp cơ sở này để đặt hàng những loại máy móc trên. Cơ sở này giao toàn bộ máy móc trên đến nhà của ông N, bà T tại địa chỉ Đường Cây C, khu phố B, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh có ông B nhận hàng và lắp đặt cho máy móc vận hành. Sau khi giao hàng xong thì ông B trả số tiền là 25.500.000 đồng cho ông Vũ Duy H là chủ cơ sở này, trả tiền mặt xong thì hai bên ký tên vào Đơn đặt hàng mà không có biên bản giao nhận tiền.

4. Theo Đơn đặt hàng ngày 02/2020 do Cơ sở Inox Thành T (địa chỉ: đường HVT, Phường D, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh) phát hành gồm các máy:

01 Máy ép xôi (máy ép + máy bơm hơi 2HP + khuôn ép + dây điện) giá tiền là 22.000.000 đồng.

Ông B đến trực tiếp cơ sở này để đặt hàng những loại máy móc trên. Cơ sở này giao toàn bộ máy móc trên đến nhà của ông N, bà T tại địa chỉ Đường Cây C, khu phố B, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, có ông B nhận hàng và lắp đặt cho máy móc vận hành. Sau khi giao hàng xong thì ông B trả số tiền là 22.000.000 đồng cho ông Vũ Duy H là chủ cơ sở này, trả tiền mặt xong thì hai bên ký tên vào Đơn đặt hàng mà không có biên bản giao nhận tiền gì.

- Ngoài ra, nguyên đơn (ông B) rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu các bộ dây điện nguồn và phụ kiện đi kèm để gắn và nối các loại máy làm bánh có giá tiền là 13.500.000 đồng do ông B mua nhiều lần của các cửa hàng bên ngoài nên không nhớ rõ thông tin bên bán, không có giấy tờ hay đơn đặt hàng.

Sau khi lắp đặt máy móc xong thì vận hành máy để sản xuất các loại bánh bỏ sỉ cho những nơi bán lẻ khác, hai bên làm việc được với nhau khoảng hơn 04 tháng thì xảy ra tranh chấp do thấy làm ăn có tiến triển nên ông N và bà T cố ý gạt ông B ra để tự

làm riêng. Tổng cộng số tiền ông B đã thanh toán để mua máy móc, thiết bị đặt tại cơ sở của ông N bà T là 161.400.000 đồng, đây là tiền riêng của ông B. Ông N và bà T không đưa khoản tiền này cho ông B để ông B đi trả tiền mua máy móc. Do đó, ông Nguyễn Quốc B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lâm Bá N và bà Trịnh Thị T hoàn trả cho ông B số tiền là 161.400.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là ông Lâm Bá N có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Lâm Bá N và vợ là bà Trịnh Thị T là chủ cơ sở sản xuất kinh doanh các mặt hàng bánh bò, bánh da lợn tại địa chỉ: Đường Cây C, khu phố B, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ sở kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định pháp luật.

Khoảng cuối năm 2019, do nhu cầu sản xuất nhiều nên vợ chồng ông Lâm Bá N đã mua thêm một số máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất bánh. Ông N đã giao việc mua sắm thiết bị này cho bà T để tự đi liên hệ với các cơ sở sản xuất inox đặt mua. Ông N đưa tiền cho vợ là bà T và giao toàn quyền quyết định cho bà T từ việc liên hệ, mô tả các thiết bị đó, đặt cọc và thỏa thuận thanh toán các máy móc thiết bị này.

Năm 2020, thì ông B vào làm tại cơ sở bánh vì có quen biết với vợ của ông N và có vài lần đến cơ sở bánh sửa điện, nước nên ông N mới đồng ý cho vào làm, chứ ông N không hề thân quen gì với ông B từ năm 2018 như lời ông B khai. Việc trả tiền công cho ông B do bà T phụ trách, mỗi ngày được vài trăm nghìn. Kể từ lúc ông B vào làm thì có chở bà T đi đến các cở sở inox để đặt mua các thiết bị, bà T có kêu ông Nguyễn Quốc B chở bà T đi. Do đó, ông B chỉ là người chở bà T đi đến các cơ sở sản xuất inox để bà T đặt mua hàng. Khi các thiết bị giao tới cơ sở bánh của ông N thì ông N hoặc những người đang làm việc ra nhận hàng và thỉnh thoảng cũng có ông Nguyễn Quốc B ra khiêng vác phụ, chứ không phải ông B là người luôn nhận hàng trực tiếp và lắp đặt như lời khai, càng không có chuyện ông B bỏ tiền của chính mình ra trả 01 lần khi người ta giao hàng như trong tất cả bản khai, mà do bà T là người thanh toán tiền hàng.

Ông Nguyễn Quốc B khai ông trực tiếp đi đặt hàng tất cả các thiết bị là không đúng, bởi vì ông B chỉ là người chở đi, còn bà T mới là người trực tiếp đặt hàng, đặt cọc và thanh toán tiền hàng. Ông N cũng như bà Trịnh Thị T chưa từng chia bất kỳ lợi nhuận nào từ việc kinh doanh cho ông Nguyễn Quốc B, nên chuyện hợp tác kinh doanh là không có căn cứ. Bên cạnh đó, cơ sở bánh của ông N đã được mở từ rất lâu, trước nay cũng chưa từng hợp tác làm ăn chung với bất kỳ ai và cũng không cần hợp tác gì với ai vì điều kiện kinh doanh vẫn duy trì tốt. Ông N khẳng định việc đặt mua và thanh toán các thiết bị đó là do vợ ông N là bà T thực hiện. Ông N là người đưa tiền cho vợ là bà Trịnh Thị T và bà T có nói là bà không có lấy hóa đơn chứng từ gì cả. Những lần bà T đi đặt hàng thì có lúc không kêu ông B chở thì ông B xin đi chung để chở, ông B chỉ là người chở đi dùm chứ

không hề có việc ông B trả tiền cho những thiết bị máy móc này và cũng không có tồn tại mối quan hệ hợp tác kinh doanh gì cả.

Đối với Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B ngày 23/10/2020 như sau: Việc ông Lâm Bá N nói có bán hàng hóa cho ông B tức là khi bà T xin cho ông B vào làm, thì sẽ trả công cho ông B tính trên số bánh bán ra cho khách hàng mà ông B phụ đi giao cho khách, giống như người trung gian mua bán sĩ giữa cơ sở bánh và khách hàng, thì ông N đồng ý. Việc trả tiền cho ông B là do bà T trả, kể từ lúc ông B vào làm thì mỗi khi bà T đi đặt máy móc thiết bị thì có ông B đi chung để chở hoặc ông B tự xin đi chung. Nhiều lúc ông N thấy hai người cứ hay đi chung thì ông N có đến nhà ông B yêu cầu là không được đi chung nữa. Ông N chỉ đưa tiền cho vợ là bà T đi đặt cọc mua các thiết bị máy móc sử dụng tại cơ sở bánh, sau khi sử dụng ổn thì đưa tiền cho bà T thanh toán phần còn lại cho người ta, có lúc ông N thấy bà T bận thì đưa tiền nhờ nhân viên đưa dùm hoặc có lúc ông B ở đó thì nhờ đưa dùm, chứ không có việc đưa tiền cho bà T để bà T trả cho ông B. Ý kiến của ông Lâm Bá N được ghi nhận tại Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa B ngày 23/10/2020 là không rõ ràng, không đầy đủ. Tại thời điểm đó, ông N rất tức giận về việc ông B vô cớ nói máy móc thiết bị tại cơ sở mình là ông B mua, nên ông N đã không đọc lại hay nghe đọc lại gì hết mà chỉ có ký tên thôi rồi về, một phần vì không muốn gặp mặt ông B thêm lần nào nữa. Đề nghị Tòa án không xem xét nội dung ý kiến được ghi lại không đầy đủ và rõ ràng lời trình bày của ông Lâm Bá N tại Biên bản hòa giải tại Ủy ban phường vì những lời trình bày không rõ ràng này sẽ dẫn đến hiểu lầm.

Nay, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Bình Tân bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị T có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Trịnh Thị T và chồng là ông Lâm Bá N là chủ cơ sở sản xuất kinh doanh các mặt hàng bánh bò, bánh da lợn tại địa chỉ: Đường Cây C, khu phố B, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ sở kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định pháp luật. Bà Trịnh Thị T có quen biết và có quan hệ tình cảm với ông Nguyễn Quốc B vào khoảng năm 2018, biết ông B có thể sửa điện nước nên cũng đã vài lần nhờ ông B đến cơ sở sản xuất bánh của vợ chồng bà sửa chữa hệ thống điện nước khi gặp trục trặc.

Đến khoảng cuối năm 2019, thì ông B có nói với bà T là giờ ông đang thất nghiệp, có việc gì làm không cho ông B làm phụ để kiếm chút tiền. Chính vì vậy, vào khoảng đầu năm 2020 thì bà T có nói với chồng là ông Lâm Bá N xin cho ông B vào làm việc, cụ thể công việc là khiêng bánh phụ lên xuống xe khi giao, và tiền sẽ trả trên số lượng bánh giao cho khách vào mỗi tuần. Mặc dù là mang tiếng làm khiêng bánh lên xuống xe, nhưng do quen biết với bà T nên ông B được ưu

ái về việc trả lương, thay vì được trả lương hàng tháng cố định, nhưng bà T sẽ trả cho ông B số tiền chênh lệch khi bán cho khách hàng, tính ra mỗi ngày tiền công khoảng 600.000 đồng. Lúc này, ông B như đóng vai trò như là người trung gian từ cơ sở sản xuất bánh và khách hàng.

Khoảng những tháng cuối năm 2019 thì số lượng đơn hàng nhiều nên cần thêm thiết bị để sản xuất cho nhanh chóng, nên vợ chồng bà mua thêm một số máy móc thiết bị phục vụ cho nhu cầu sản xuất bánh, ông N đã giao việc mua sắm thiết bị này cho bà T tự đi liên hệ với các cơ sở sản xuất inox để đặt mua. Ông N đưa tiền cho vợ là bà T và giao toàn quyền quyết định cho bà T từ việc liên hệ, mô tả các thiết bị đó, đặt cọc và thỏa thuận thanh toán các máy móc thiết bị này. Máy móc thiết bị đã đi đặt và mua từ cuối năm 2019, có một số thiết bị đặt mua từ đầu năm 2020. Kể từ lúc có ông B vào làm là khoảng đầu năm 2020, khi bà T đi đến các cơ sở inox đặt mua các thiết bị, thì có kêu ông Nguyễn Quốc B đi theo chung để chở bà T, hoặc ông B tự xin đi theo để chở bà T đến các cơ sở inox đặt hàng.

Ông Nguyễn Quốc B khai ông trực tiếp đi đặt hàng là không đúng, bởi vì ông B chỉ là người chở bà T đi và bà T mới là người trực tiếp mô tả thiết bị để đặt hàng, đặt cọc, thanh toán tiền cho mấy chủ cơ sở inox này, ông B đi theo chung để sẵn tiện đi chơi riêng với bà T. Mỗi lần đi như vậy, ông B mặc dù không khiêng bánh lên xuống xe đi giao nhưng vẫn được bà T tính tiền trên số bánh đó và có khi cho thêm ông B.

Khi các thiết bị giao tới cơ sở bánh của vợ chồng bà thì ông N hoặc những người đang làm việc ra nhận hàng và chỉ có một vài lần cũng có ông Nguyễn Quốc B ra phụ các máy móc đó xuống xe. Chứ không phải ông B là người luôn nhận hàng trực tiếp và lắp đặt như lời khai. Khi các thiết bị được chở tới và dùng thử 1, 2 ngày ổn thì mới nhận rồi bà T sẽ thanh toán tiền, có lúc thì tự bà đưa trực tiếp cho người ta, có khi bận không thể đưa trực tiếp thì sẽ đưa tiền cho nhân viên và nhờ họ đưa trả cho chủ cơ sở Inox, có 1 hoặc 2 lần nhờ ông B đưa dùm. Tất cả các thiết bị khi đặt mua đều có trả tiền cọc vài triệu và có máy móc đặt mua của cơ sở Vượng Phát là đặt cọc 10 triệu đồng, số tiền còn lại là trả một lần hoặc trả nhiều lần. Ông B khai mình là người thanh toán một lần ngay sau khi người ta giao đến là không đúng.

Việc đặt mua và thanh toán các thiết bị máy móc tại cơ sở bánh là do bà T tự mình thực hiện, những lần bà T đi đặt hàng thì ông B xin đi chung để chở, mục đích ông B xin đi chung là để trốn tránh công việc. Ông B chỉ là người chở đi dùm chứ không hề có việc ông ta trả tiền cho những thiết bị máy móc này và cũng không có tồn tại mối quan hệ hợp tác kinh doanh gì giữa vợ chồng bà và ông B. Vợ chồng bà T chưa từng chia bất kỳ lợi nhuận kinh doanh gì cho ông B.

Tại thời điểm mua các máy móc thiết bị này thì bà T đều có trả tiền cọc để làm tin, sau đó người ta sẽ giao đến cơ sở bánh dùng thử vài ngày rồi mới thanh toán tiền.

Vợ chồng bà T không có bất kỳ quan hệ hợp tác kinh doanh gì với ông Nguyễn Quốc B hoặc bất kỳ ai khác và ông B cũng không có thanh toán bất kỳ số tiền nào để mua máy móc thiết bị sản xuất bánh, toàn là tiền của vợ chồng bà T. Do đó, bà T đề nghị Tòa án nhân dân quận Bình Tân bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 398/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

- Căn cứ Điều 5, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 166, Điều 357 và Điều 504 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc B:

Buộc ông Lâm Bá N, bà Trịnh Thị T trả cho ông Nguyễn Quốc B tổng số tiền là 161.400.000 đồng (một trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, ông Lâm Bá N, bà Trịnh Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B yêu cầu đối với các bộ dây điện nguồn và phụ kiện đi kèm để gắn và nối các loại máy làm bánh có giá tiền là 13.500.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 09/9/2022, bị đơn ông Lâm Bá N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 398/2022/DS-ST, ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đã ra Quyết định kháng nghị số 12/QĐ-VKS-DS ngày 22 tháng 9 năm 2022 theo hướng sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Nguyên đơn trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn ông Lâm Bá N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lâm Bá N, bà Trịnh Thị T về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc B, buộc ông N bà T trả lại giá trị hàng hóa là 139.400.000 đồng.

- Rút một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc B, buộc ông N bà T trả lại giá trị hàng hóa là 139.400.000 đồng.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 398/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B đòi lại giá trị Máy ép xôi là 22.000.000 đồng. Ông B ông N, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Bị đơn ông Lâm Bá N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T nộp đơn kháng cáo, biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo của ông N, bà T là hợp lệ được chấp nhận.

Quyết định kháng nghị số 12/QĐ-VKS-DS ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

- Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng hợp tác: Ông Nguyễn Quốc B trình bày có thỏa thuận hợp tác sản xuất bánh với ông Lâm Bá N, bà Trịnh Thị T. Tuy nhiên phía ông N bà T không thừa nhận và ông B không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Ông B trình bày có thỏa thuận hợp tác nhưng ông không biết về thời hạn hợp tác, phương thức phân chia lợi nhuận, quá trình hợp tác cơ sở sản xuất lỗ hay lãi, không biết cụ thể số tiền ông B đã nhận là bao nhiêu. Như vậy, về hình thức và nội dung của hợp đồng không đảm bảo quy định tại Điều 504, 505 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài liệu, chứng cứ: Xét 04 hóa đơn bán lẻ từ cơ sở inox Ngọc Thịnh, Vượng Phát, Thành Tài thấy rằng đây là các hóa đơn bán lẻ từ các cơ sở kinh doanh nhỏ, không rõ hàng hóa bán ra, bán cho ai, không có quy định ràng buộc, cách ghi, viết hóa đơn các bên có thể tự ghi theo ý chí chủ quan. Ngoài ra, trên các hóa đơn này chỉ thể hiện ông B là người nhận hàng, không phải là người mua hàng và trả tiền mua hàng. Bên cạnh đó, lời khai của ông N, bà T đều xác định ông B làm công trong cơ sở gia đình nên khi giao hàng đến ông B nhận hàng là việc bình thường. Do đó, chưa đủ căn cứ chứng minh ông B là người bỏ tiền ra mua hàng và yêu cầu nơi giao hàng về cơ sở sản xuất bánh của gia đình ông N, bà T.

Các cơ sở inox theo đơn đặt hàng mà ông B cung cấp là cơ sở inox Ngọc T, Vượng P trình bày chỉ xác nhận là hóa đơn bán lẻ là từ cơ sở mình xuất cho người mua, nhiều khách hàng nên không thể nhớ ai là người mua, ai trả tiền, tiền của ai. Riêng cơ sở Ngọc T thì xác nhận thêm thì bà T là mối bạn hàng lâu năm, bà T mua nhiều mặt hàng, không phải mua cùng lúc, khi mua về một thời gian thì bà T mới trả tiền, hóa đơn mà cơ sở Ngọc Thịnh viết là gộp nhiều mặt hàng, mua nhiều lần do có yêu cầu thì cơ sở viết để xác nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài 04 hóa đơn hàng nêu trên, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác thể hiện có việc hợp tác sản xuất bánh với ông Lâm Bá N, bà Trịnh Thị T.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của ông N là ông B đi chung với vợ ông N là bà Trịnh Thị T để nhận định: "Việc ông B có mua máy và chở về nhà cho vợ chồng ông N bà T là không chính xác", không phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Bởi lẽ, nguyên đơn chỉ cung cấp được 03 hóa đơn đặt hàng và 01 biên bản nhận đặt hàng và theo tài liệu này thì cơ sở inox Ngọc T, cơ sở inox Thành T, cơ sở inox Vượng P đều giao hàng tại địa chỉ cơ sở sản xuất bánh tại địa chỉ: đường Cây C, Khu phố B, phường BHHB, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh, ông B là người nhận hàng nên không có việc "ông B có mua máy và chở về nhà cho ông N, bà T" như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Như vậy, không có tài liệu, chứng cứ thể hiện có sự hợp tác giữa ông Nguyễn Quốc B và ông Lâm Bá N, bà Trịnh Thị T. Không có cơ sở xác định ông Nguyễn Quốc B thanh toán tiền mua các máy móc thiết bị đi kèm để phục vụ cho sản xuất các loại bánh tại nhà ông N, bà T nhưng cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chưa chính xác, không phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 398/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng phân tích trên.

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận một phần theo kết luận và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đòi ông N bà T trả lại giá trị máy ép xôi là 22.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.070.000 đồng (tám triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.362.500 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 062478 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Quốc B phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.707.500 (ba triệu, bảy trăm không bảy nghìn, năm trăm) đồng.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông Lâm Bá N 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2022/0009432 ngày 12/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Trịnh Thị T 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2022/0009431 ngày 12/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lâm Bá N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Không chấp nhận một phần theo kết luận và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đòi ông N bà T trả lại giá trị máy ép xôi là 22.000.000 đồng. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 398/2022/DS-ST, ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh:

1.1 Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B về việc yêu cầu ông Lâm Bá N, bà Trịnh Thị T hoàn trả số tiền là 161.400.000 (Một trăm sáu mươi mốt triệu, bốn trăm nghìn) đồng.

1.2 Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B yêu cầu đối với các bộ dây điện nguồn và phụ kiện đi kèm để gắn và nối các loại máy làm bánh có giá tiền là 13.500.000 đồng.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.070.000 đồng (tám triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.362.500 đồng (bốn triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 062478 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Quốc B phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.707.500 (ba triệu, bảy trăm không bảy nghìn, năm trăm) đồng.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho ông Lâm Bá N 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2022/0009432 ngày 12/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho bà Trịnh Thị T 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2022/0009431 ngày 12/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Việt Hồng